|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không có mô tả. | | |
| **Use case number:** |  | |
| **User case name:** | Quản lý sân bay | |
| **Actor(s):** | Quản lý | |
| **Maturity:** | Điền đầy đủ thông tin và đúng kiểu dữ liệu | |
| **Summary:** | Chức năng Quản lý sân bay gồm có:  + Thêm sân bay  + Sửa sân bay  + Xóa sân bay  + Xem sân bay  + Tìm kiếm sân bay | |
| **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Nhấp vào chức năng quản lý sân bay |  |
|  | 2. Hiển thị giao diện quản lý sân bay |
| 3. Nhấp chọn “Thêm” **A1**. |  |
|  | 4. Hiển thị giao diện thêm sân bay. |
| 5. Nhấp chọn sân bay cần sửa và bấm “Sửa” **A2**. |  |
|  | 6. Hiển thị giao diện sửa sân bay. |
| 7. Nhấp chọn sân bay cần xóa và bấm “Xóa” **A3**. |  |
| 8. Nhấp chọn sân bay cần xem chi tiết **A4.** |  |
| 9. Chọn kiểu tìm kiếm và nhập thông tin cần tìm, sau đó chọn nút “Tìm kiếm” **A5.** |  |
|  | 10. Hiện giao diện sân bay cần tìm |
| **Alternative Paths:** | **A1** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn “Thêm”. |  |
|  | 2. Giao diện thêm sân bay sẽ hiện ra |
| 3. Nhập đầy đủ thông tin sân bay và bấm nút “Hoàn thành” |  |
|  | 4. Hiển thị thông báo thêm thành công và hiện ra giao diện sửa sân bay. |
| 5. Nhập các thông tin chi tiết sân bay và bấm nút “Hoàn thành” |  |
|  | 6. Hệ thống lưu sân bay mới |
| **A2** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn sân bay cần sửa và bấm nút “Sửa”. |  |
|  | 2. Giao diện sửa sân bay sẽ hiện ra |
| 3. Nhập đầy đủ thông tin sân bay cần sửa và bấm nút “Hoàn thành” |  |
|  | 4. Hiển thị thông báo cập nhật thành công |
|  | 5. Hệ thống lưu sân bay sau khi chỉnh sửa |
| **A3** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn sân bay cần xóa và bấm nút “Xóa” |  |
|  | 2. Hệ thống hiện thông báo xác nhận xóa |
| 3. Người dùng nếu muốn xóa thì chọn “Có” và “không” nếu không muốn xóa |  |
|  | 4. Nếu chọn “Có” hệ thống hiện thông báo xóa thành công và nếu chọn “Không” hệ thống sẽ quay lại giao diện chức năng quản lý sân bay |
| **A4** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn sân bay cần xem chi tiết |  |
|  | 2. Hệ thống hiện giao diện xem chi tiết sân bay |
| **A5** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng chọn kiểu tìm kiếm và nhập các thông tin cần tìm, sau đó bấm nút “Tìm kiếm” |  |
|  | 2. Hệ thống hiện ra các sân bay có thông tin cần tìm |
| **Exception Paths:** | Không có. | |
| **Extension Points:** | Không có. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn quản lý sân bay trên hệ thống | |
| **Assumptions:** | Người dùng đã thao tác các chức năng | |
| **Preconditions:** | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống | |
| **Post conditions:** | Thông báo sau mỗi chức năng thao tác | |
| **Reference: Business Rules:** | Không có. | |
| **Author(s):** | Trần Kim Phú | |
| **Date:** | 23/12/2021. | |
| + Sơ đồ trình tự “Thêm sân bay”    + Sơ đồ trình tự “Sửa sân bay”    + Sơ đồ trình tự “Xóa sân bay”    + Sơ đồ trình tự “Xem chi tiết sân bay”    + Sơ đồ trình tự “Tìm kiếm sân bay” | | |